

Số: 357/2022/DS-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.
2. Ông Lưu Đức Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng NA.

Địa chỉ: 201-203 đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Thanh T (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 167/2022/UQ-NHNA-06 ngày 05/5/2022 của Ngân hàng NA).

2. *Bị đơn:* Ông Dương Quốc B, sinh năm 1984

Thường trú: 14 đường H, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2022, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn Ngân hàng NA có ông Cao Thanh T đại diện trình bày:

Ngày 24/8/2018, ông Dương Quốc B và Ngân hàng NA (sau đây gọi tắt là Ngân hàng NA) ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ số 0499/2018/914-CV. Sau khi thẩm định cấp thẻ tín dụng, Ngân hàng NA đã cấp cho ông B 02 thẻ tín dụng với số tài khoản thẻ là 691404503830001 và 391404503830002 (ông B đã nhận thẻ ngày 31/8/2018), với hạn mức sử dụng chung là 40.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là 27%/ năm, lãi suất quá hạn là 40.5%/ năm đối với tài khoản thẻ 691404503830001 và lãi suất trong hạn là 30%/ năm, lãi suất quá hạn là 45%/ năm đối với tài khoản thẻ 391404503830002.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông B đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 118.400.000 đồng, phát sinh lãi trong hạn là 14.124.863 đồng, phát sinh các loại phí là 4.354.900 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng NA số tiền 91.717.660 đồng; cụ thể như sau:

- Đối với tài khoản thẻ 391404503830002: Giao dịch 70.400.000 đồng, phát sinh lãi trong hạn là 10.435.410 đồng, các loại phí là 2.374.900 đồng. Ông B đã thanh toán 47.428.514 đồng.

- Đối với tài khoản thẻ 691404503830001: Giao dịch 48.000.000 đồng, phát sinh lãi trong hạn là 3.689.453 đồng, các loại phí là 1.980.000 đồng. Ông B đã thanh toán cho Ngân hàng NA số tiền là 44.289.146 đồng.

Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông B không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 24/01/2020 Ngân hàng NA đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng NA yêu cầu Tòa án buộc ông B phải trả ngay số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/9/2022 là 93.775.330 đồng, cụ thể:

- Đối với tài khoản thẻ 391404503830002: Nợ gốc là 30.809.082 đồng, nợ lãi là 44.037.166 đồng.

- Đối với tài khoản thẻ 691404503830001: Nợ gốc là 7.934.991 đồng, nợ lãi là 10.994.091 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Dương Quốc B đến Tòa để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông B đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa ngân hàng với ông B, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NA yêu cầu bị đơn ông Dương Quốc B trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông B có nơi cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Giấy ủy quyền số 57/2021/UQ-NHNA-06 ngày 01/12/2021 và Giấy ủy quyền số 107/2022/UQ-NHNA-06 ngày 05/5/2022 của Ngân hàng NA ủy quyền cho ông Cao Thanh T tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Dương Quốc B đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ số 0499/2018/914-CV ngày 24/8/2018 của Ngân hàng NA với ông Dương Quốc B được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

[2.1]. *Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc:* Căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp ngày 28/9/2022 của Ngân hàng NA cho thấy ông B đã giao dịch bằng thẻ tín dụng số tài khoản 391404503830002 và 691404503830001 từ ngày 24/9/2018 đến ngày 24/9/2019. Ngày 24/01/2020, Ngân hàng NA đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông B do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại điểm e khoản 2 Điều 12 của bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank có quy định “*Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đối với giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh từ thời điểm ký xác nhận nhận thẻ (bảo gồm các giao dịch phát sinh từ thẻ phụ) cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số dư nợ và các khoản phải trả khác mà không cần Nam A Bank cung cấp hóa đơn và đã được chủ thẻ ký hay chứng từ chứng minh khác (kể cả trường hợp chủ thẻ không thể tiếp tục sử dụng thẻ vì bất kỳ lý do nào)*”. Ông Dương Quốc B đã nhận thẻ ngày 31/8/2018, như vậy, ông B có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã giao dịch, phí, lãi phát sinh chưa thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông B phải thanh toán số tiền nợ gốc là 38.744.073 đồng (tài khoản thẻ 391404503830002 là 30,809.082 đồng; tài khoản thẻ 691404503830001 là 10.994.091 đồng).

[2.2]. *Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:*

Theo Điều 10 của bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank “*Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà Chủ thẻ không thanh toán số tiền tối thiểu hoặc số tiền đến hạn thì Nam A Bank sẽ chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của Nam A Bank. Đối với giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh chưa được xử lý vào tài khoản thẻ vào thời điểm chuyển nợ quá hạn thì sẽ được chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định vào thời điểm các giao dịch thẻ, phí, lãi này được xử lý vào tài khoản thẻ.*” áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với thẻ tín dụng mà ông B đang sử dụng là “*Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ bị chuyển quá hạn*”. Như vậy, theo thỏa thuận ông B phải chịu lãi suất 40.5%/ năm đối với tài khoản thẻ 691404503830001 và lãi suất 45%/ năm đối với tài khoản thẻ 391404503830002. Nguyên đơn yêu cầu ông B trả tiền lãi quá hạn tạm tính kể từ ngày 24/01/2020 đến ngày 24/9/2022 là 55.031.257 đồng (đối với tài khoản thẻ 391404503830002 là 44.037.166 đồng; đối với tài khoản thẻ

691404503830001 là 10.994.091 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 25/9/2022 cho đến khi ông B thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ số 0499/2018/914-CV ngày 24/8/2018 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank.

Do thời hạn ông B không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng NA đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Dương Quốc B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng NA số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/9/2022 là 93.775.330 (chín mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi) đồng, cụ thể:

- Đối với tài khoản thẻ 391404503830002: Nợ gốc là 30,809.082 (ba mươi triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, không trăm tám mươi hai) đồng, nợ lãi là 44.037.166 (bốn mươi bốn triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Đối với tài khoản thẻ 691404503830001: Nợ gốc là 7.934.991 (bảy triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm chín mươi chín) đồng, nợ lãi là 10.994.091 (mười triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, không trăm chín mươi mốt) đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 25/9/2022 cho đến khi ông B thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ số 0499/2018/914-CV ngày 24/8/2018 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng NA.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bị đơn ông Dương Quốc B phải chịu án phí sơ thẩm là 4.688.766 (bốn triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu) đồng. Ngân hàng NA không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng NA số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.213.030 (hai triệu, hai trăm mười ba nghìn, không trăm ba mươi) đồng, theo biên lai thu tiền số 0018753 ngày 15/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng NA có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Dương Quốc B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phạm Hà Thiên Tâm